

Số: 34 /2024/QĐST-HNGĐ

T, ngày 11 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 54/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T P, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

- *Bị đơn*: Anh Huỳnh S, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Nguyễn Thị T P và anh Huỳnh S thống nhất thỏa thuận với nhau các vấn đề cụ thể như sau:

Chị Nguyễn Thị T P và anh Huỳnh S thống nhất phân chia tài sản chung là thửa đất số 162, tờ bản đồ số 33 tổng diện tích 629,5m² (diện tích thực đo 629,5m²) loại đất cây lâu năm, tọa lạc Khóm A, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh do anh Huỳnh S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong đó:

- Anh Huỳnh S thống nhất giao cho chị Nguyễn Thị T P được quyền quản lý sử dụng diện tích đất thực đo 316,4m² trong tổng diện tích đất 629,5m² thuộc

thửa đất số 162, tờ bản đồ số 33, tọa lạc Khóm A, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh do anh Huỳnh S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Diện tích đất thực đo 316,4m² (phần B) có vị trí tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp thửa 57 có số đo 60,73 mét;
- + Hướng Tây phần còn lại thửa số 162 (phần A) có số đo 60,09 mét;
- + Hướng Nam giáp đường lộ có số đo 5,42 mét;
- + Hướng Bắc giáp thửa 55 có số đo 5,25 mét.

(Kèm theo sơ đồ khu đất theo công văn số: 145/CNHTC-KTĐC ngày 22/01/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện T)

- Anh Huỳnh S được quyền sử dụng diện tích đất thực đo 313,1m² trong tổng diện tích đất 629,5m² thuộc thửa đất số 162, tờ bản đồ số 33 tọa lạc Khóm A, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh do anh Huỳnh S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Diện tích đất thực đo 313,1m² (phần A) có vị trí tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp phần còn lại thửa số 162 (phần B) có số đo 60,09 mét;
- + Hướng Tây có giáp thửa 150 có số đo 59,45 mét;
- + Hướng Nam giáp đường lộ có số đo 5,42 mét;
- + Hướng Bắc giáp thửa 55 có số đo 5,25 mét.

(Kèm theo sơ đồ khu đất theo công văn số: 145/CNHTC-KTĐC ngày 22/01/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện T).

Đối với phần tài sản, cây trồng, hoa màu trên đất thuộc quyền sử dụng của ai thì người đó được quyền sở hữu, sử dụng.

- Về chi phí tố tụng: Đã chi thẩm định định giá tài sản số tiền 3.702.000 đồng, chị Nguyễn Thị T P và anh Huỳnh S thống nhất mỗi bên phải chịu 50% chi phí.

Chị P phải chịu số tiền 1.851.000.000 đồng; anh S phải chịu số tiền 1.851.000 đồng. Do Chị P đã nộp tạm ứng trước số tiền 3.702.000 đồng và Tòa án đã chi xong nên Cơ quan thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh có trách nhiệm thu từ anh S số tiền 1.851.000.000 đồng để hoàn trả lại cho chị P.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T P phải chịu số tiền 10.859.200 đồng, do Chị P đã nộp tạm ứng số tiền 3.750.000 đồng theo biên lai thu số 0000274 ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh nên cần trừ

vào số tiền án phí phải chịu, Chị P phải nộp tiếp số tiền còn lại là 7.109.200 đồng.

Anh Huỳnh S phải chịu số tiền 10.766.800 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện T;
- VKSND huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký